

Số/No: 26/TN5/1099-01,02,03

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Mỹ Lộc.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 05/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M01)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Trần Hữu Cao - Địa chỉ: Tổ dân phố Bườn, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M02)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Trần Văn Thuấn - Địa chỉ: Tổ dân phố La Đồng, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M03)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-04,05,06

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Liên Bảo.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 05/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M04)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)*
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Hoàng Văn Thuận - Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M05)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Phạm Văn Quyên - Địa chỉ: Thôn Bát Di 2, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M06)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-07,08,09

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Đại Thắng.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 05/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M07)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Vũ Đức Miêng - Địa chỉ: Thôn Điện Biên, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M08)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Lưu Văn Chiến - Địa chỉ: Thôn Lạc Thiện, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M09)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-10,11,12,13

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Trạm cấp nước Yên Lộc.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 05/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M10)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Bùi Văn Thiệp - Địa chỉ: Xóm 14, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M11)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Trần Minh Đông - Địa chỉ: Thôn Mậu Lực, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M12)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
IV.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3 – cuối mạng lưới cấp nước (Phạm Xuân Phú - Địa chỉ: Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M13)				
IV.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-14,15,16

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Trạm cấp nước Yên Quang.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 05/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M14)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	$< 0,0030$
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Cù Trung Hưng - Địa chỉ: Thôn Lộc Hạ, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M15)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	$< 0,0030$
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Trịnh Văn Thông - Địa chỉ: Đội 6, Hoàng Nghi, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M16)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	$< 0,0030$

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026
GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-23,24,25

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Nghĩa Hưng.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 06/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M23)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Tín - Địa chỉ: Thôn 9 Nghĩa Trung, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M24)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Vũ Thanh Trần - Địa chỉ: Thôn Nam Phú Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M25)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-17,18,19

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Nghĩa An.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 06/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M17)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Tổ Duy Tuyến - Địa chỉ: Tổ dân phố Thị, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M18)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Đoàn Văn Miên - Địa chỉ: Thôn Phú Lâm, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M19)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-26,27,28

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Quý Nhất.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 06/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M26)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Sơn - Địa chỉ: Xóm 1 Phú Thọ, xã Nghĩa Lâm, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M27)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Thị Phương - Địa chỉ: Thôn 6, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M28)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-29.30.31

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Hải Toàn.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 06/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M29)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)*
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Vũ Minh Đức - Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M30)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Đoàn Văn Hùng - Địa chỉ: Xóm 10, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M31)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-32.33.34

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Yên Định.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 07/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M32)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)*
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Vũ Ngọc Thoan - Địa chỉ: Thôn 8 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M33)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Mai Công Luân - Địa chỉ: Thôn 1 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M34)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-35,36,37,38

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Chi nhánh cấp nước Giao Thủy.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 07/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M35)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Trần Quốc Toàn - Địa chỉ: Xóm 6, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M36)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – điểm trung gian trên mạng lưới cấp nước (Trịnh Tiến Mạnh - Địa chỉ: Xóm Minh Tiến, xã Giao Bình, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M37)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
IV.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3 – cuối mạng lưới cấp nước (Đoàn Văn Hùng - Địa chỉ: Thôn Duy Tắc Tây, xã Giao Bình, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M38)				
IV.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	KPH (GHPH = 0,0010)

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-39.40.41

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử : Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Xuân Tân.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 07/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M39)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Lê Xuân Dung - Địa chỉ: Thôn 12, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M40)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Lê Thị Xuyên - Địa chỉ: Thôn 20, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M41)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

GIÁM ĐỐC



CHỖ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/1099-42,43,44,45

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Các mẫu nước sạch của Nhà máy nước Xuân Trường.
- Khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước nông thôn Nam Định.
- Ngày lấy mẫu: 07/5/2026.
- Lượng mẫu: 300mL/ mẫu.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 08/5/2026 đến ngày 15/5/2026.
- Ngày hoàn thành: 15/5/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Ngưỡng giới hạn theo QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
I.	Mẫu nước sạch lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước (26/TN5/1099-M42)				
I.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
II.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1 – giữa mạng lưới cấp nước (Nguyễn Thị Hiền - Địa chỉ: Thôn 40, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M43)				
II.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
III.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2 – cuối mạng lưới cấp nước (Phạm Văn Lăng - Địa chỉ: Thôn 42, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M44)				
III.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030
IV.	Mẫu nước sạch lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3 – cuối mạng lưới cấp nước (Nguyễn Văn Hân - Địa chỉ: Thôn 42, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình) (26/TN5/1099-M45)				
IV.1.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 6020B: 2014	$\leq 0,01$	< 0,0030

Ghi chú: - QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; GPH: Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.